TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2025/DS-PT
Ngày: 09/12/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Văn Vinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 mở phiên toà trực tuyến, tại điểm cầu trung tâm là Trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội, điểm cầu thành phần là Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự''. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6113/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Doãn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà D đường T, tổ B, khu phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là: Số nhà D đường T, tổ dân phố số A, phường B, tỉnh Thanh Hóa); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà D đường T, tổ B, khu phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là: Số nhà D đường T, tổ dân phố số A, phường B, tỉnh Thanh Hóa); vắng mặt.

2.2. Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà D đường T, tổ B, khu phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là: Số nhà D đường T, tổ dân phố số A, phường B, tỉnh Thanh Hóa); hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam S - Cục C - Bộ C1; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.3. Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà D đường T, tổ B, khu

phố F, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là: Số nhà D đường T, tổ dân phố số A, phường B, tỉnh Thanh Hóa); hiện đang lao động tại Đài Loan; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Doãn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- Nguyên đơn bà Doãn Thị H trình bày:

Gia đình bà và gia đình bà Nguyễn Thị N ở gần nhau, khi nghe bà N nói con trai là anh Nguyễn Hoàng P gây ra vụ tai nạn giao thông đang phải vay lãi cao để giải quyết và chị Vũ Thị N1 (con dâu bà N) làm ăn buôn bán cần tiền nên bà có cho bà N và vợ chồng anh Nguyễn Hoàng P, chị Vũ Thị N1 vay tiền nhiều lần; cụ thể: Ngày 25/02 (âm lịch) năm 2022 chị N1 vay 35.000.000 đồng ngày 15/01/2022 chị N1 vay 19.000.000 đồng, ngày 14/4/2019 chị N1 và bà N vay 10.000.000 đồng, ngày 25/5/2022 chị N1 và anh P vay 392.000.000 đồng, ngày 15/3/2022 chị N1 và anh P vay 44.000.000 đồng, ngày 24/6/2022 chị N1 và anh P vay 409.400.000 đồng, ngày 30/4/2022 chị N1 và anh P vay 60.000.000 đồng, ngày 05/5/2021 chị N1 và anh P vay 200.000.000 đồng, ngày 06/5/2021 chị N1 vay 200.000.000 đồng, ngày 05/02/2021 chị N1 vay 100.000.000 đồng, ngày 16/12 âm lịch năm 2020 chị N1 và anh P vay 100.000.000 đồng, ngày 06/01/2021 anh P và chị N1 vay 50.000.000 đồng, ngày 21/01/2021 anh P và chị N1 vay 150.000.000 đồng; tổng số tiền nợ là 1.769.400.000 đồng đến nay chưa trả.

Do đó, bà có đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà N, chị N1, anh P trả các khoản nợ gốc và lãi theo phần nêu trên.

- Bị đơn chị Vũ Thị N1 trình bày:

Hoàn toàn không có việc gia đình chị vay bà H với số tiền lớn như thế. Thực tế chị có vay tiền bà H nhiều lần và cũng đã trả làm nhiều lần, nhưng vì tin tưởng bà H là hàng xóm thân thiết với gia đình nên không lấy lại giấy nợ, do đó số tiền mới đội lên nhiều như thế.

Về từng lần vay tiền như bà H, bà có ý kiến như sau: Ngày 25/5/2022 vay 392.000.00 đồng, ngày 15/3/2022 vay 44.000.000 đồng, ngày 24/6/2022 vay 409.400.000 đồng, ngày 30/4/2022 vay 60.000.000 đồng, ngày 05/5/2021 vay 200.000.000 đồng đều không liên quan quan đến anh P, vì anh P không ký. Số tiền 10.000.000 đồng bà N đứng ra vay hộ vợ chồng nên chị sẽ có trách nhiệm trả cho bà N và yêu cầu bà H tính vào phần nợ của chị, không liên quan gì đến bà N nữa.

- Tại phiên hoà giải ngày 18/11/2024, sau khi đối soát từng giấy vay tiền, bà Doãn Thị H chốt lại số tiền nợ theo giấy tờ vay và tại phiên toà sơ thẩm yêu cầu trả nợ gốc và lãi như sau:

+ Nợ gốc: Chị N1 và bà N vay 10.000.000 đồng, chị N1 và anh P vay 1.405.400.000 đồng, chị N1 vay 354.000.000 đồng; tổng số tiền nợ là

1.769.400.000 đồng.

+ Tiền lãi: Ngày 25/02 (âm lịch) năm 2022 chị N1 vay 35.000.000 đồng gốc × 39 tháng 28 ngày × 2%/tháng = 113.277.000 đồng. Ngày 15/01/2022 chị N1 vay 19.000.000 đồng gốc × 41 tháng 01 ngày × 2%/tháng = 63.887.000 đồng. Ngày 14/4/2019 (tức 06/3/2019 âm lịch) chị N1 và bà N vay 10.000.000 đồng gốc × 76 tháng 10 ngày × 2%/tháng = 99.478.000 đồng. Ngày 25/5/2022 chị N1 và anh P vay 392.000.000 đồng gốc × 36 tháng 21 ngày × 2%/tháng = 1.148.923.000 đồng. Ngày 15/3/2022 chị N1 và anh P vay 44.000.000 đồng gốc × 39 tháng 11 ngày × 2%/tháng = 141.180.000 đồng. Ngày 24/6/2022 chị N1 và anh P vay 409.400.000 đồng gốc × 35 tháng 22 ngày × 2%/tháng = 1.117.187.000 đồng. Ngày 30/4/2022 chị N1 và anh P vay 60.000.000 đồng gốc × 37 tháng 16 ngày × 2%/tháng = 180.808.000 đồng. Ngày 05/5/2021 chị N1 và anh P vay 200.000.000 đồng gốc × 49 tháng 11 ngày × 2%/tháng = 861.840.000 đồng. Ngày 06/5/2021 chị N1 vay 200.000.000 đồng gốc × 49 tháng 10 ngày × 2%/tháng = 858.460.000 đồng. Ngày 05/02/2021 chị N1 vay 100.000.000 đồng gốc × 52 tháng 11 ngày × 2%/tháng = 469.000.000 đồng. Ngày 16/12 âm lịch năm 2020 chị N1 và anh P vay 100.000.000 đồng gốc × 54 tháng 11 ngày × 2%/tháng = 487.662.000 đồng. Ngày 06/01/2021 anh P và chị N1 vay 50.000.000 đồng gốc × 37tháng 16 ngày × 2%/tháng = 249.910.000 đồng. Ngày 21/01/2021 anh P và chị N1 vay 150.000.000 đồng gốc × 52 tháng 25 ngày × 2%/tháng = 715.458.000 đồng.

+ Tổng số tiền nợ gốc và lãi của anh P và chị N1 vay: Gốc 1.505.400.000 đồng, lãi 3.866.568.000 đồng, tổng cộng là 5.371.968.000 đồng.

+ Tổng số tiền nợ gốc và lãi của chị N1 vay: Gốc 254.000.000 đồng, lãi 781.624.000 đồng, tổng cộng là 1.035.624.000 đồng.

+ Tổng số tiền nợ gốc và lãi của bà N và chị N1 vay: Gốc 10.000.000 đồng, lãi: 89.478.000 đồng, tổng cộng là 99.478.000 đồng.

+ Tổng số tiền nợ gốc chung của chị N1, anh P và bà N là 1.769.400.000 đồng, lãi 4.737.670.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 6.507.070.000 đồng.

Do anh P đã trả 180.000.000 đồng, không nói gốc hay lãi nên bà trừ vào lãi, do đó cả gốc và lãi chị N1, anh P, bà N còn nợ bà là 6.044.148.000 đồng. Sau đó, bà H thay đổi, yêu cầu tính lãi đối với từng giấy nhận nợ theo mức lãi suất do ngân hàng N3 quy định tương ứng với thời gian chưa trả lãi.

Ngoài ra, bà Doãn Thị H còn yêu cầu: Ngày 12/10/2023 nộp cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá 200.000 đồng chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, 18 tháng, tiền lãi là 316.000 đồng. Ngày 12/10/2023 nộp cho thư ký Lê Thị Ngọc L 10.000.000 đồng chi phí uỷ thác ra nước ngoài, ngày 26/4/2024 chị L trả lại cho bà 9.452.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ 12/10/2023 đến 26/4/2024 là 2.110.000 đồng, còn lại 548.000 đồng tiền gửi bưu điện 12 tháng10 ngày, số tiền lãi là 813.000 đồng, bà yêu cầu trả cho bà số tiền này và số tiền lãi tính từ lúc thu đến 16/4 là 6 tháng rưỡi, tổng 1.348.000 đồng. Tiền chi phí, bà phải đi lại trong thời gian từ khi bà khởi kiện cho đến nay khoảng 20.000.000 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025

của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b, điểm d tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Doãn Thị H về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với chị Vũ Thị N1, anh Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị N.

+ Buộc chị Vũ Thị N1 phải trả cho bà Doãn Thị H số nợ cụ thể như sau: nợ gốc: 1.269.400.000 đồng; lãi: 262.226.739 đồng; tổng cả gốc và lãi: 1.531.627.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

+ Buộc chị Vũ Thị N1 và anh Nguyễn Hoàng P phải trả cho bà Doãn Thị H số nợ cụ thể: nợ gốc: 320.000.000 đồng; lãi: 66.104.109 đồng; tổng cả gốc và lãi là: 386.104.109 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín đồng).

+ Bà Doãn Thị H được nhận lại số tiền cho vay từ chị Vũ Thị N1 là 1.531.627.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) và được nhận lại số tiền cho vay chung từ anh P, chị N1 là: 386.104.109 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu tính lãi 2%/tháng theo yêu cầu của bà Doãn Thị H.

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Doãn Thị H về việc yêu cầu tính lãi đối với các khoản tiền nộp tạm ứng chi phí tố tụng (200.000 đồng tạm ứng chi phí thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài; 548.000 đồng tiền bưu chính gửi văn bản tố tụng sang Đài Loan).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2025 nguyên đơn bà Doãn Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Doãn Thị H giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày:

Về các khoản vay, tổng các khoản tiền vay gốc bà xác nhận Toà án cấp sơ thẩm đã tính đúng nhưng trong đó có khoản vay ngày 05/02/2021 với số tiền

254.000.000 đồng là có cả vợ chồng N1 và P vay nhưng bản án sơ thẩm chỉ buộc một mình chị N1 chịu trách nhiệm trả nợ là không đúng. Quá trình vay tiền thì bà N2, anh P, chị N1 có thống nhất trả lãi, quá trình làm việc với Toà án thì anh P khai có khai tính lãi 3%/tháng, N1 khai có vay 300.000.000 đồng và lãi là 100.000.000 đồng, các lời khai khác và khi hoà giải vợ chồng N1 và P đều xác nhận vay tiền có tính lãi hàng tháng nên bản án sơ thẩm không chấp nhận tính lãi 35%/tháng/khoản tiền vay/thời gian vay là không đúng. Đối với khoản tiền 548.000 đồng tiền gửi bưu điện, 10.000.000 đồng tiền nộp uỷ thác tư pháp yêu cầu phải tính lãi suất, đồng thời yêu cầu buộc thanh toán tiền chi phí xăng xe, đi lại khởi kiện vụ án 10.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn bà Doãn Thị H là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử đã tính đúng, đầy đủ khoản tiền vay gốc, tiền lãi, xác định đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Doãn Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Doãn Thị H là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần 02, có 02 bị đơn có đơn xin xét xét xử vắng mặt, 01 bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của nguyên đơn bà Doãn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 05/02/2021 âm lịch một mình chị Vũ Thị N1 vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Doãn Thị H; không có cơ sở xác định anh Nguyễn Hoàng P cùng ký vay tiền như bà Doãn Thị H trình bày kháng cáo.

Ngày 14/4/2019, chị Vũ Thị N1 và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 10.000.000 đồng của bà Doãn Thị H; quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị N1 xin chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị N là tự nguyện, không trái pháp luật nên bản án sơ thấp chấp nhận là phù hợp.

Quá trình bà Doãn Thị H cho bà Nguyễn Thị N, chị Vũ Thị N1, anh Nguyễn Hoàng P vay tiền, có lập giấy vay thì trong các giấy vay tiền các bên đều không thoả thuận về lãi suất. Do đó, bà Doãn Thị H yêu cầu tính lãi suất thỏa thuận miệng từ 2% đến 3%/ tháng/tổng số tiền/thời gian vay là không có cơ sở chấp nhận.

Do giữa bà Doãn Thị H và bà Nguyễn Thị N, chị Vũ Thị N1, anh Nguyễn Hoàng P không thỏa thuận về lãi suất khi vay tiền nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và thời gian được tính lãi là từ ngày bà Doãn Thị H khởi kiện 22/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Trên cơ sở xác định số tiền vay nợ gốc của chị Vũ Thị N1, của chị Vũ Thị N1 và anh Nguyễn Hoàng P vay chung; bản án sơ thẩm xác định số tiền lãi của các khoản vay tính từ ngày bà Doãn Thị H có yêu cầu khởi kiện đến ngày Toà án cấp sơ thẩm xét xử, cụ thể: Chị Vũ Thị N1 phải thanh toán số tiền nợ gốc: 1.269.400.000 đồng và tiền lãi: 1.269.400.000 đồng × 10%/365 ngày × 754 ngày = 262.226.739 đồng; tổng cả gốc và lãi: 1.531.626.739 đồng. Chị Vũ Thị N1 và anh Nguyễn Hoàng P phải thanh toán số tiền nợ gốc: 320.000.000 đồng và tiền lãi: 320.000.000 đồng × 10%/365 ngày × 754 ngày = 66.104.109 đồng; tổng cả gốc và lãi: 386.104.109 đồng là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu về thanh toán tiền lãi suất của số tiền 10.000.000 đồng nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, khoản tiền 548.000 đồng chi phí gửi bưu điện văn bản tố tụng sang Đài Loan là nghĩa vụ, trách nhiệm của người khởi kiện phải thực hiện theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên bà Doãn Thị H yêu cầu tính lãi suất để buộc bà Nguyễn Thị N, chị Vũ Thị N1, anh Nguyễn Hoàng P phải thanh toán là không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N, chị Vũ Thị N1, anh Nguyễn Hoàng P thanh toán tiền chi phí đi lại, xăng xe cho bà Doãn Thị H đi lại khởi kiện vụ án 20.000.000 đồng không phải là chi phí tố tụng nên được không xem xét, giải quyết.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Doãn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Doãn Thị H là người cao

tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Doãn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Doãn Thị H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời h ạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 2-TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội, VKSNDTC;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng